

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam điều chỉnh, tương đồng với diễn biến giảm của TTCK toàn cầu sau thông tin Tổng thống Mỹ, ông Donald Trump, xác nhận nhiễm Covid-19

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến giảm điểm khi phản ứng tiêu cực trước thông tin tổng thống Mỹ, ông Donald Trump bị nhiễm Covid

## [Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VNM, VCG

## [Quan điểm đầu tư]

Nắm giữ vị thế, chỉ bán 1 phần cân bằng lại tỷ trọng nếu chỉ số có thêm phiên giảm điểm vào đầu tuần sau

02/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	909.91	-0.46
VN30	861.51	-0.70
HĐTL VN30F1M	861.50	-0.63
HNXIndex	134.91	+1.06
HNX30	251.52	+0.16
UPCoM	62.35	-0.11
USD/VND	23,191	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.44	-6
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	37.54	-3.05
Vàng (LME, \$)	1,905.81	-0.01



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 909.91 (-0.46%)  
**KLGD (triệu CP)** 501.3 (+55.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 370.5 (+27.0%)

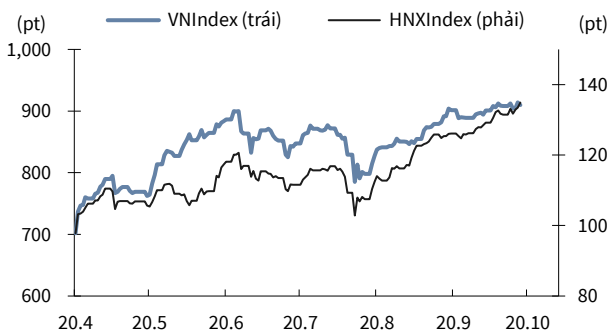
**HNXIndex** 134.91 (+1.06%)  
**KLGD (triệu CP)** 87.9 (+62.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 55.1 (+85.3%)

**UPCoM** 62.35 (-0.11%)  
**KLGD (triệu CP)** 57.1 (+50.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 25.6 (+30.3%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -10.7

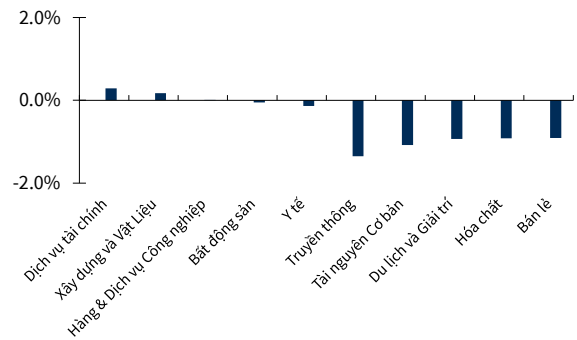
TTCK Việt Nam điều chỉnh phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến giảm của TTCK toàn cầu sau thông tin Tổng thống Mỹ, ông Donald Trump, xác nhận nhiễm Covid-19. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đồng loạt điều chỉnh với chỉ số VN30 có 21 mã giảm và 5 mã tăng giá. Cổ phiếu ngân hàng có diễn biến phân hóa với một số mã như CTG (+1.3%), ACB (+2.2%) duy trì đà tăng nhờ tác động tích cực từ thông tin hạ lãi suất của ngân hàng nhà nước. Thông tin từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết vốn giải ngân đầu tư công tháng 9 đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2016-2020 giúp cổ phiếu hạ tầng tăng giá ở VCG (+0.3%), HBC (+1.4%). Cổ phiếu dầu khí như PVD (-0.9%), PVS (-2.2%) giảm giá do chịu ảnh hưởng từ diễn biến điều chỉnh mạnh của giá dầu trước lo ngại lực cầu yếu, trong khi nguồn cung từ OPEC tăng. Thông tin từ Hiệp hội Dệt May Việt Nam (Vitas) cho biết xuất khẩu Việt Nam 9 tháng đầu năm 2020 giảm mạnh so với cùng kỳ khiến cổ phiếu ngành này giảm giá ở TCM (-0.6%), TNG (-1.5%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên có phiên bán ròng ở VNM (-1.2%), CTG (+1.3%), HPG (-1.1%).

## VNIndex & HNXIndex



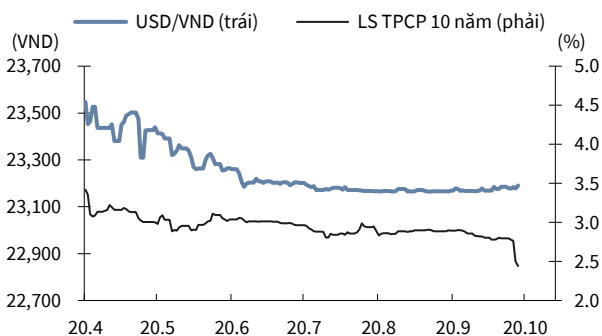
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



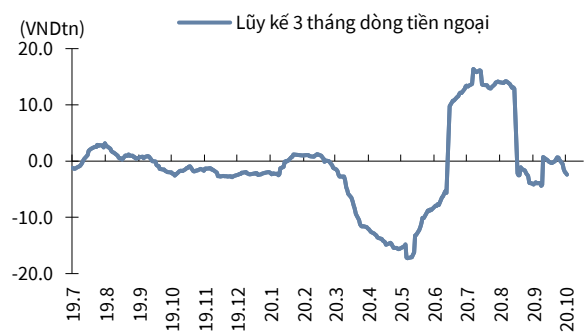
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



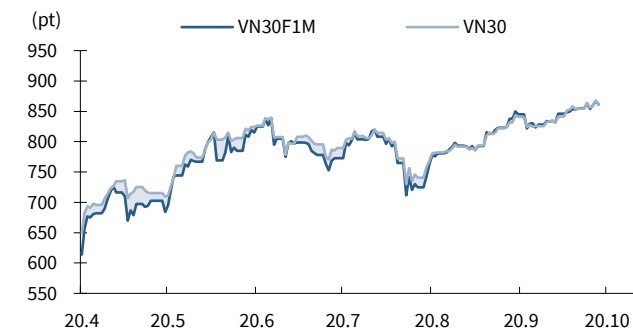
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>861.51 (-0.70%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>861.5 (-0.63%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>865.6</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>867.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>854.0</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>137,847 (+19.8%)</b>

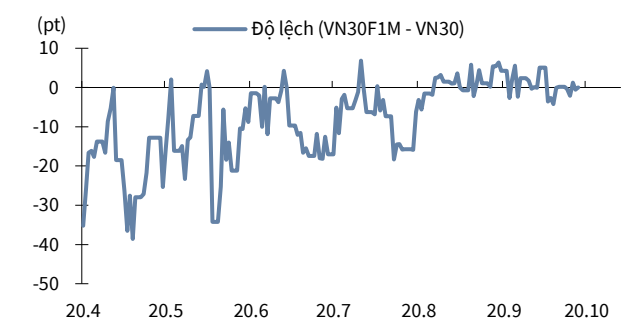
HĐTL diễn biến giảm điểm khi phản ứng tiêu cực trước thông tin tổng thống Mỹ, ông Donald Trump bị nhiễm Covid. Chênh lệch HĐTL mở cửa ở -1.98 và giao động trong biên độ giảm co -3.6 và 0.3 trước khi sụt giảm mạnh xuống mức thấp nhất -9.93 sau khi thông tin liên quan tới ông Trump được công bố. Chênh lệch sau đó nhanh chóng lấy lại mức giảm và đóng cửa ở mức -0.01 khi bên SHORT cover trạng thái vào cuối phiên. Thanh khoản được cải thiện và ĐĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay.

## HĐTL VN30F1M & VN30



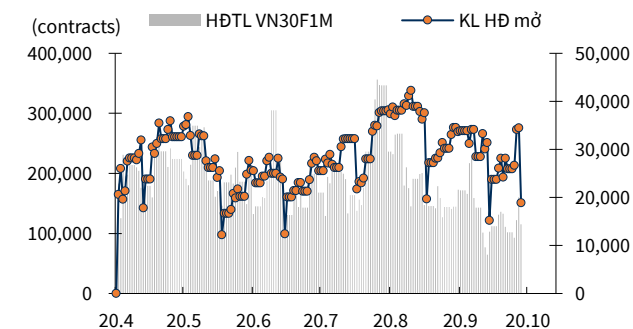
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



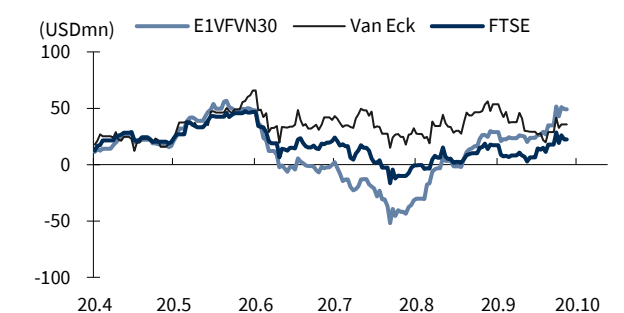
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

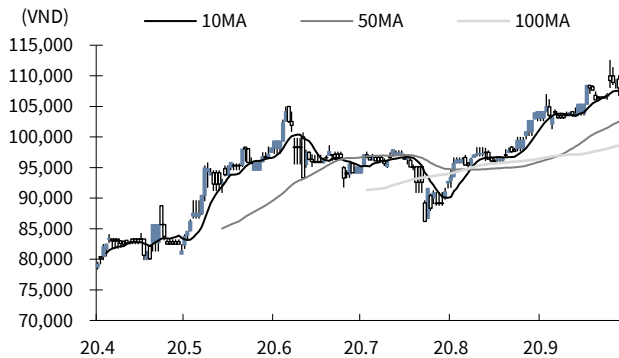
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

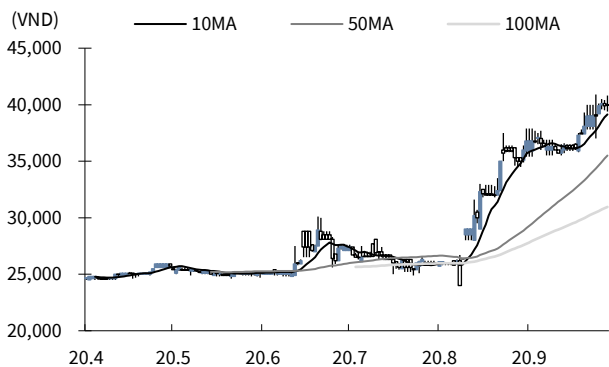
## Vinamilk (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM giảm -1.2% xuống 108,000 VNĐ/cp.
- VNM ước KQKD quý 3 với lợi nhuận sau thuế 3,106 tỷ (+16% YoY) và doanh thu 15,561 tỷ (+8.8% YoY). Như vậy sau 9 tháng, VNM ước lợi nhuận sau thuế thu về 8,967 tỷ đồng (+7% YoY), với doanh thu 45,277 tỷ đồng (+7.4% YoY).
- Cuối tháng 9 vừa qua, công ty đã chốt quyền phát hành hơn 348 triệu cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ lên 20,900 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty còn thực hiện chốt quyền trả tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 với tỷ lệ 20% bằng tiền.

## Vinaconex (VCG)



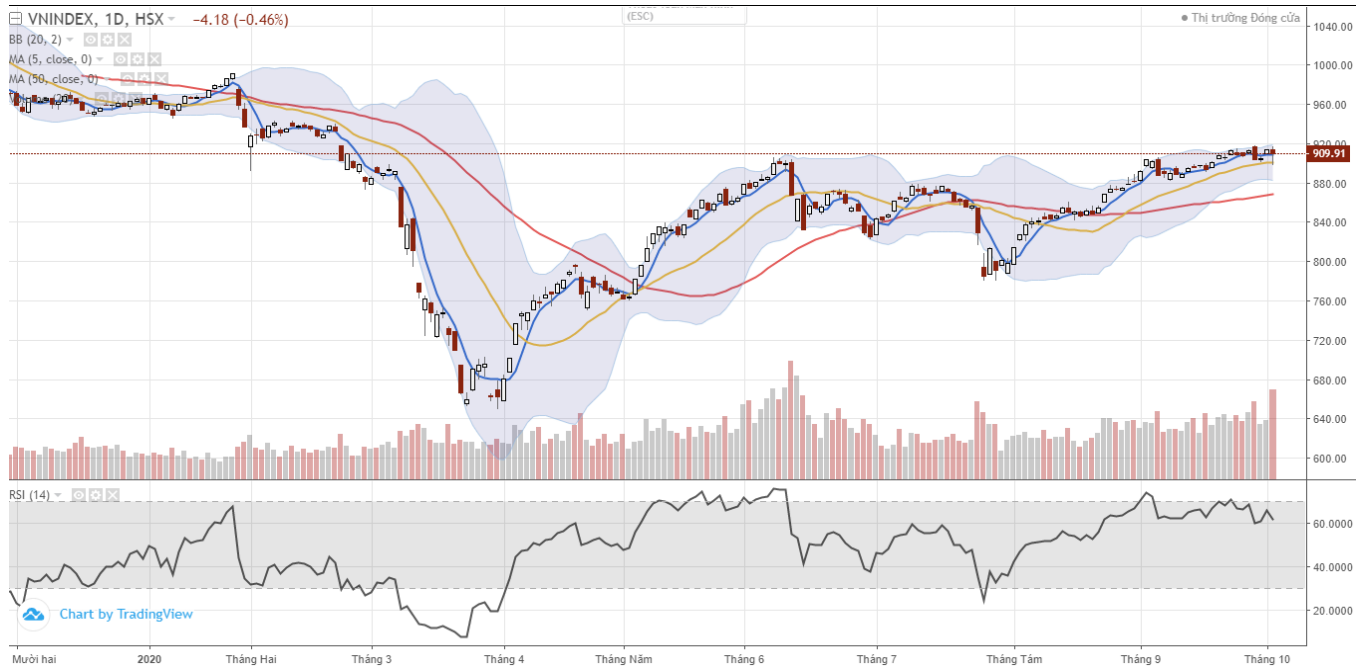
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCG tăng 0.3% lên 40,000 VNĐ/cp.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo đã nhận hồ sơ đăng ký niêm yết của VCG. Cụ thể, VCG nộp hồ sơ đăng ký niêm yết 441.7 triệu cổ phiếu, tương đương vốn điều lệ 4,417 tỷ đồng.
- Việc chuyển sàn từ HNX sang HoSE của VCG được cổ đông thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020. Lãnh đạo VCG cho rằng sàn HoSE có nhiều ưu điểm hơn so với HNX như quy mô lớn hơn, yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn vốn hóa, tính minh bạch... Theo đó, việc niêm yết cổ phiếu tại HoSE sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao vị thế, tạo lập uy tín, có cơ hội thu hút vốn đầu tư, đặc biệt từ nhà đầu tư nước ngoài.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

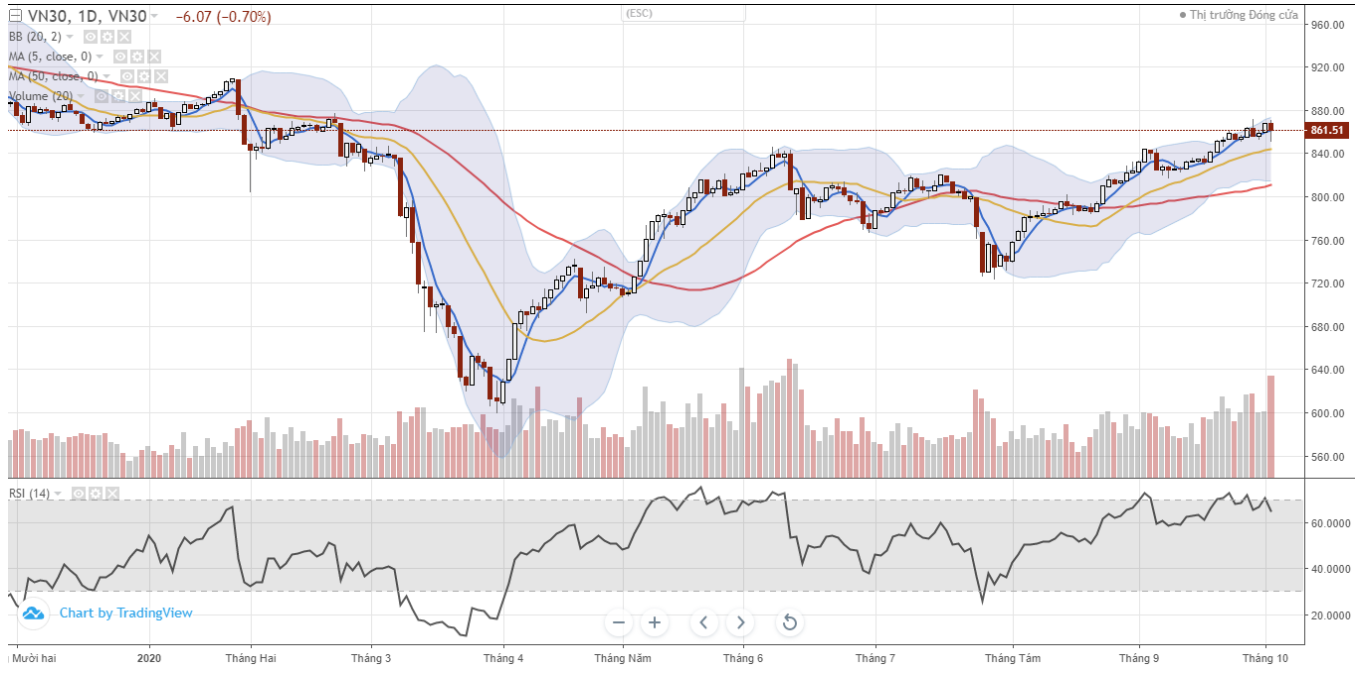
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

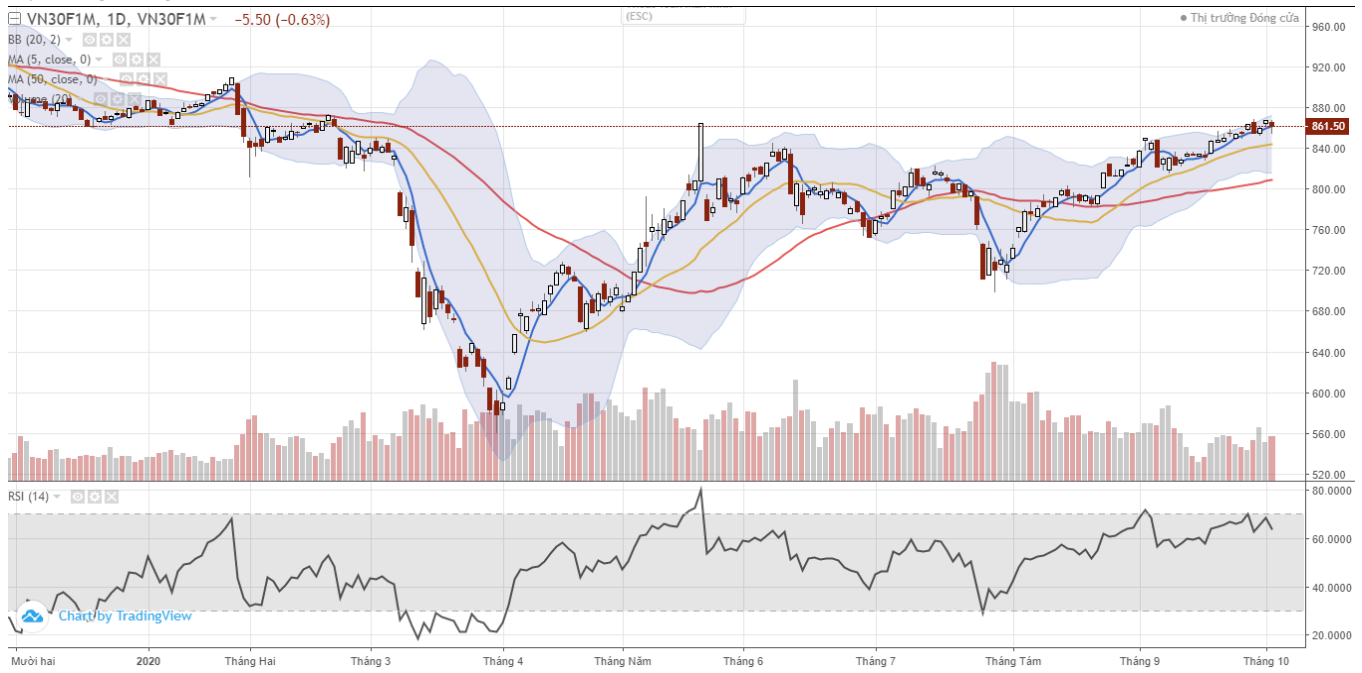
- VNIndex ghi nhận diễn biến sụt giảm tiêu cực trong phiên nhưng lực cầu bắt đáy cuối phiên đã giúp chỉ số hồi phục đáng kể so với đáy thấp nhất.
- Với sự hình thành mẫu nến rút chân, chúng tôi tiếp tục nghiêng về xu hướng hồi phục của VNIndex. Tuy nhiên, trong trường hợp có thêm 1 phiên giảm điểm tiêu cực xác nhận kế tiếp, thị trường sẽ đối mặt với rủi ro điều chỉnh sâu hơn.
- NĐT được khuyến nghị có thể nắm giữ vị thế, chỉ bán 1 phần cân bằng lại tỷ trọng nếu chỉ số có thêm phiên giảm điểm vào đầu tuần sau.

## Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

## Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 xuất hiện nhịp giảm mạnh trong phiên nhưng lực cầu bắt đáy cuối phiên đã giúp lấy lại đáng kể số điểm đã mất.
- Với mẫu nến rút chân, chúng tôi tiếp tục nghiêng về xu hướng phục hồi cho chỉ số. Tuy nhiên rủi ro điều chỉnh sâu hơn sẽ hiện hữu nếu VN30 có thêm 1 phiên giảm điểm tiêu cực tiếp xác nhận.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ gần tại quanh 859 nhưng cần STOP và đảo ngược sang ưu tiên SHORT nếu vùng hỗ trợ này bị phá vỡ.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

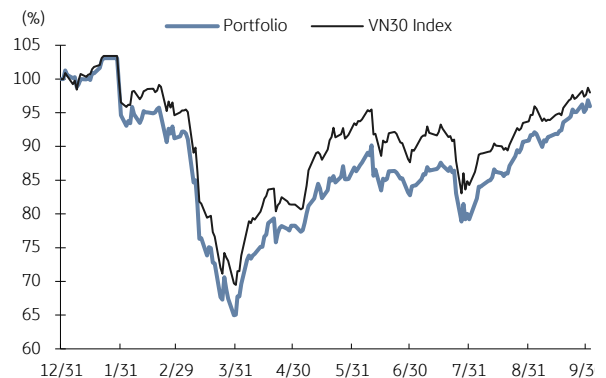
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.70%	-0.97%
Tăng lũy kế (YTD)	-2.00%	-4.07%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	104,000	-1.0%	-10.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,000	-1.0%	6.3%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	61,000	-1.1%	-20.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	19,850	0.0%	0.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	40,150	-3.9%	18.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,300	-1.0%	50.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,950	1.3%	10.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	104,900	-0.6%	-18.8%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	26,700	-1.1%	36.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,100	-1.4%	2.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	-0.3%	49.6%	20.4
VIC	1.6%	13.8%	15.7
KDC	0.0%	24.1%	12.6
VCB	-0.9%	23.6%	12.2
POW	2.9%	10.6%	5.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.2%	58.4%	-70.4
CTG	1.3%	30.0%	-67.3
HPG	-1.1%	34.2%	-59.5
VRE	-1.4%	30.9%	-17.2
PVD	-0.9%	11.7%	-16.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NTP	-0.3%	18.9%	1.9
WCS	0.0%	26.6%	0.2
VIX	0.8%	0.6%	0.2
DC4	-1.4%	0.1%	0.1
CDN	2.6%	21.4%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.2%	10.0%	-7.0
TIG	-2.8%	15.3%	-3.2
DXP	6.2%	34.1%	-2.8
ART	0.0%	5.4%	-1.1
LHC	0.2%	23.9%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	5.4%	SSI, VIC
Ô tô và phụ tùng	3.6%	TCH, DRC
Tài nguyên Cơ bản	3.1%	HPG, HSG
Bán lẻ	2.8%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.6%	ASG, LGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-1.9%	BVH, BIC
Dầu khí	-1.8%	PLX, PVD
Truyền thông	-1.4%	PNC, LIX
Công nghệ thông tin	-1.1%	FPT, CMG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.7%	GAS, NT2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	9.1%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	9.0%	SSI, HCM
Tài nguyên Cơ bản	7.9%	HPG, HSG
Hóa chất	6.1%	GVR, DCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.0%	LGC, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.5%	PNC, LIX
Bảo hiểm	-4.1%	BVH, BIC
Dầu khí	-1.6%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.2%	GAS, TTE
Bất động sản	-0.9%	VHM, VRE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	94,000	317,948 (13,711)	50,846 (2.2)	22.9	51.3	37.6	21.9	6.6	8.7	3.6	3.3	1.6	1.3	1.4	-18.3
	VHM	VINHOMES JSC	75,900	249,674 (10,766)	160,957 (6.9)	26.9	9.3	8.1	35.0	38.5	30.8	2.9	2.2	-1.6	-1.6	-3.6	-10.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,300	62,034 (2,675)	82,964 (3.6)	18.1	24.5	18.1	2.8	9.1	11.7	2.2	2.0	-1.4	-3.9	0.2	-19.7
	NVL	NO VA LAND INVES	63,500	62,583 (2,699)	86,863 (3.7)	32.6	16.9	17.6	1.9	14.1	11.9	2.4	-	-0.3	0.0	0.8	6.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,250	13,551 (584)	14,105 (0.6)	7.4	12.5	10.4	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	-0.4	0.2	-0.8	-5.3
	DXG	DAT XANH GROUP	10,300	5,338 (230)	37,375 (1.6)	14.4	7.6	5.1	-29.0	7.4	14.0	0.6	0.6	-0.5	0.5	4.3	-29.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	84,000	311,546 (13,434)	103,698 (4.5)	6.4	18.6	15.6	11.6	19.7	19.1	3.2	2.7	-0.9	-2.3	1.2	-6.9
	BID	BANK FOR INVESTM	40,650	163,495 (7,050)	56,995 (2.5)	12.5	34.8	20.1	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-0.7	-0.4	-1.8	-11.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,550	78,928 (3,404)	63,396 (2.7)	0.0	7.8	6.6	3.9	15.6	15.5	1.1	0.9	-1.1	0.7	3.9	-4.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	26,950	100,346 (4,327)	140,576 (6.1)	0.0	14.5	11.8	18.7	10.2	11.4	1.3	1.2	1.3	2.9	3.1	28.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,650	57,653 (2,486)	111,806 (4.8)	0.0	7.0	6.1	5.4	17.7	16.6	1.1	1.0	-1.9	1.5	1.1	18.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,850	47,867 (2,064)	123,390 (5.3)	0.0	6.6	5.5	8.0	18.0	17.6	1.0	0.9	0.0	1.3	9.7	-4.6
	HDB	HDBANK	24,700	31,016 (1,337)	45,005 (1.9)	9.6	7.7	6.8	20.1	20.2	20.1	1.3	1.2	-0.4	3.1	12.7	16.6
	STB	SACOMBANK	13,450	24,259 (1,046)	203,359 (8.8)	14.5	14.9	9.5	1.6	6.8	9.0	0.9	0.8	-2.2	1.1	19.0	33.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,850	20,292 (875)	38,696 (1.7)	0.0	6.7	5.5	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	0.6	5.7	6.2	18.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,000	20,900 (901)	4,917 (0.2)	0.1	36.6	35.1	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	0.0	-0.6	-1.2	-4.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	48,500	36,003 (1,553)	39,890 (1.7)	20.8	29.5	24.9	2.6	6.3	7.7	1.8	1.8	-0.7	-2.0	-5.8	-29.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,500	2,604 (112)	12,624 (0.5)	14.4	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	-1.7	2.3	17.8	14.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,750	10,667 (460)	108,743 (4.7)	50.4	12.3	9.9	-16.8	9.0	10.6	1.0	1.0	-0.3	7.9	17.5	14.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	31,500	5,213 (225)	26,565 (1.1)	71.3	11.2	8.8	-24.9	11.1	13.0	1.2	1.1	2.3	11.3	21.4	6.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	21,800	6,650 (287)	70,055 (3.0)	50.6	14.9	9.3	-22.5	11.0	17.1	1.5	1.4	-1.6	7.9	16.0	2.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,250	2,971 (128)	19,108 (0.8)	14.5	12.8	8.0	-19.1	7.4	11.2	0.9	0.8	0.0	6.3	17.3	-1.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,000	225,683 (9,732)	200,268 (8.6)	41.6	22.1	20.6	5.7	37.9	38.6	7.6	6.8	-1.2	1.5	5.2	11.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	184,500	118,316 (5,102)	16,624 (0.7)	36.9	28.5	24.3	0.6	21.6	23.8	5.8	5.2	0.0	-1.3	-2.9	-19.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,100	63,550 (2,740)	61,358 (2.6)	10.9	72.2	28.2	-57.2	2.2	6.2	1.6	1.7	-1.5	-1.1	-0.9	-4.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,900	13,192 (569)	29,517 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.4	-1.7	-2.9	-14.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	104,900	54,951 (2,370)	46,597 (2.0)	12.4	-	15.9	-	8.9	21.4	3.4	3.2	-0.6	-0.7	-0.6	-28.2
	GMD	GEMADEPT CORP	24,200	7,186 (310)	15,186 (0.7)	0.0	18.2	15.9	-54.0	6.8	7.5	1.2	1.2	0.4	1.7	5.2	3.9
	CII	HO CHI MINH CITY	18,900	4,514 (195)	27,902 (1.2)	35.2	9.5	8.8	142.2	9.6	9.4	0.9	0.8	3.6	5.0	1.1	-16.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,160	1,226 (053)	10,997 (0.5)	47.0	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.9	-4.0	-87.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	23,700	11,138 (480)	187,658 (8.1)	34.8	29.0	12.5	-20.9	10.5	13.6	-	-	-1.7	-1.5	0.4	22.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	68,700	5,241 (226)	45,984 (2.0)	2.2	8.3	9.0	-33.3	7.5	7.0	0.6	0.6	-0.4	-3.6	-8.4	33.9
	REE	REE	40,150	12,449 (537)	17,772 (0.8)	0.0	8.2	7.2	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	-3.9	-0.6	8.5	10.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	71,900	137,613 (5,934)	45,955 (2.0)	45.8	18.4	14.4	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	-0.7	-1.6	-4.6	-23.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,200	6,679 (288)	5,550 (0.2)	30.0	9.5	9.4	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.5	-0.4	-1.7	1.8	7.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,600	7,566 (326)	5,251 (0.2)	33.0	8.1	8.6	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	0.0	-0.8	-0.2	-12.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	26,700	88,465 (3,815)	359,025 (15.5)	14.8	9.3	7.9	4.1	17.9	18.8	1.6	1.3	-1.1	3.7	7.7	36.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,250	6,751 (291)	58,261 (2.5)	36.8	11.2	12.1	-0.7	8.9	7.9	0.8	0.8	-3.1	3.0	4.2	33.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	11,700	6,194 (267)	33,177 (1.4)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	14.1	25.8	80.0
	HSG	HOA SEN GROUP	15,450	6,865 (296)	196,030 (8.5)	38.8	8.2	8.3	45.8	14.4	12.5	1.0	0.9	-2.2	1.3	30.9	107.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,150	2,566 (111)	27,720 (1.2)	97.8	5.7	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	-0.8	-0.8	-2.8	-4.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,600	61,672 (2,659)	45,482 (2.0)	3.9	49.2	18.1	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.2	-0.4	-1.9	-4.3	-9.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,550	4,864 (210)	68,080 (2.9)	37.4	50.8	27.3	-20.4	0.8	0.7	0.4	0.3	-0.9	-0.4	0.9	-23.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,100	3,968 (171)	29,611 (1.3)	29.1	9.3	8.1	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	3.7	7.2	18.5	-16.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	104,000	47,079 (2,030)	93,924 (4.1)	0.0	13.0	10.0	9.5	26.7	27.7	3.1	2.5	-1.0	3.5	10.9	-8.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	61,000	13,733 (592)	38,650 (1.7)	0.0	15.6	13.1	-1.8	21.0	22.7	2.7	2.5	-1.1	-1.6	0.0	-29.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	47,800	1,410 (061)	528 (0.0)	69.3	20.1	14.6	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	-1.4	-1.0	-7.2	29.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,100	1,903 (082)	17,523 (0.8)	13.4	16.1	10.9	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	-0.4	-1.2	0.6	14.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	57,800	7,832 (338)	50,612 (2.2)	36.1	7.4	7.1	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	-0.9	-0.5	0.3	51.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,900	13,846 (597)	937 (0.0)	45.2	20.8	19.2	8.0	20.3	19.8	3.9	3.7	0.0	0.8	1.0	15.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	68,700	5,153 (222)	499 (0.0)	37.9	14.6	-	7.3	16.4	-	2.4	-	-0.3	-0.6	-0.4	26.5
IT	FPT	FPT CORP	50,300	39,430 (1,700)	81,097 (3.5)	0.0	11.2	9.6	20.7	23.7	24.7	2.4	2.1	-1.0	-1.0	0.8	-0.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**  
anhdt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh**  
trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**  
tungla@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**  
hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**  
tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công**  
congtl@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền**  
huyenntt@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**  
harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**  
dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh**  
danhnt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh**  
vinhn@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Marketing Research**

**Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin**  
shin.sy@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.